



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 3.1 /2020/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng (đã
được kiểm toán) năm 2019 của Tổng
công ty Licogi- CTCP).

Hà Nội, ngày 1.3 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0905955896

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng (đã
được kiểm toán) năm 2019 của Tổng công ty Licogi – CTCP.

So với thời hạn quy định CBTT định kỳ về BCTC riêng (đã được kiểm toán) năm
2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước Tổng Công ty công bố thông tin bị chậm. Nguyên
nhân: do Tổng công ty thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng
Chính phủ về đảm bảo việc giãn cách xã hội đúng theo quy định phòng chống dịch COVID -
19.

(Có Báo cáo tài chính kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày /04/2020 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	07-49
Bảng cân đối kế toán riêng	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-49

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng- Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm trưởng ban kiểm soát ngày 21/06/2019
Bà Lê Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2020

Số: 090420.004 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 05 tháng 04 năm 2020, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

1. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào Chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 sẽ giảm 87,49 tỷ đồng.

2. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Trong năm 2018 và năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và năm 2019 là 50,004 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Mặt khác, Tổng Công ty đã thực hiện bù trừ khoản mục phải thu ngắn hạn khác này với chi phí lãi vay đã vốn hóa trước khi bàn giao dự án năm 2016 đang được trình bày ở khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền 87,49 tỷ đồng. (Chi tiết tại thuyết minh số 08- "Phải thu khác" phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con" và "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 liên quan đến dự án này hay không.

3. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Các khoản phải trả

Tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác đầy đủ và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Các khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước với số tiền là 13,57 tỷ đồng;
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền là: 34,48 tỷ đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 909,22 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 391,47 tỷ đồng chiếm 43,5% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng các báo cáo tài chính của Tổng Công ty - Công ty mẹ nên đọc các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

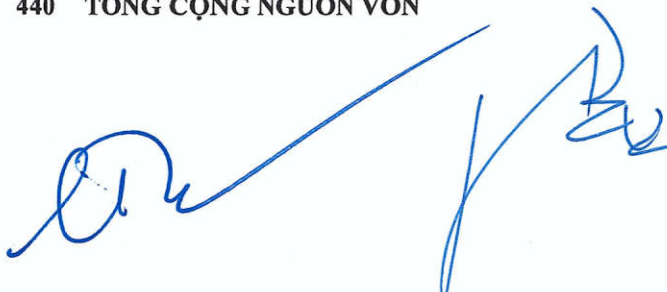
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		836.229.953.082	808.267.618.299
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.830.725.375	11.750.487.921
111	1. Tiền		4.830.725.375	11.750.487.921
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	330.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	330.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		762.677.326.708	718.834.504.515
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	362.690.400.112	381.834.323.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	57.569.083.838	55.860.032.006
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.600.000.000	1.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	437.883.538.134	378.852.315.522
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(97.289.670.885)	(99.312.166.503)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		223.975.509	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	54.611.135.591	61.749.264.387
141	1. Hàng tồn kho		55.478.356.916	63.008.646.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(867.221.325)	(1.259.382.559)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.110.765.408	15.603.361.476
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	50.188.586	594.592.735
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.765.010.939	14.675.254.018
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	295.565.883	333.514.723
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.925.789.080.197	1.956.686.601.369
220	II. Tài sản cố định		149.468.902.629	172.633.775.107
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	149.468.902.629	172.633.775.107
222	- Nguyên giá		472.673.689.632	470.404.192.197
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(323.204.787.003)	(297.770.417.090)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	14.844.918.305	15.757.050.578
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		4.589.571.314	4.589.571.314
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.255.346.991	11.167.479.264
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.759.900.046.643	1.766.619.129.869
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.414.237.997.000	1.414.237.997.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		356.363.654.969	356.363.654.969
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.260.545.400	59.260.545.400
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(71.462.150.726)	(63.243.067.500)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.575.212.620	1.676.645.815
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.575.212.620	1.676.645.815
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.762.019.033.279	2.764.954.219.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.253.488.874.623	2.259.143.035.642
310	I. Nợ ngắn hạn		1.745.451.516.872	1.921.271.131.227
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	459.852.825.777	486.022.434.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	47.984.015.216	54.054.964.620
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	47.522.402.079	45.250.444.751
314	4. Phải trả người lao động		10.388.000.643	6.926.604.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	144.119.670.517	103.506.819.401
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	45.005.335.411	39.274.645.609
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	990.228.744.985	1.185.872.395.710
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		350.522.244	362.822.244
330	II. Nợ dài hạn		508.037.357.751	337.871.904.415
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	2.891.515.435	2.002.430.188
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	225.000.000.000	312.498.564.715
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	280.145.842.316	23.370.909.512
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		508.530.158.656	505.811.184.026
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	508.530.158.656	505.811.184.026
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(391.469.841.344)	(394.188.815.974)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(394.188.815.974)	(397.408.213.710)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.718.974.630	3.219.397.736
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.762.019.033.279	2.764.954.219.668




Trần Thị Thu Hằng
Người lập


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

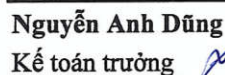
Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

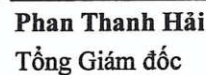
Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	380.299.670.035	217.424.270.783
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	590.304.458
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		380.299.670.035	216.833.966.325
11	4. Giá vốn hàng bán	24	383.682.076.435	208.254.908.120
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.382.406.400)	8.579.058.205
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	149.660.022.878	118.215.848.173
22	7. Chi phí tài chính	26	90.752.468.367	66.278.558.969
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		82.533.385.141	69.688.415.165
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30.921.931.010	36.423.887.813
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.603.217.101	24.092.459.596
31	11. Thu nhập khác		2.727.273	207.630
32	12. Chi phí khác	28	21.886.969.744	20.873.269.490
40	13. Lợi nhuận khác		(21.884.242.471)	(20.873.061.860)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.718.974.630	3.219.397.736
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.718.974.630</u>	<u>3.219.397.736</u>


Trần Thị Thu Hằng
Người lập


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

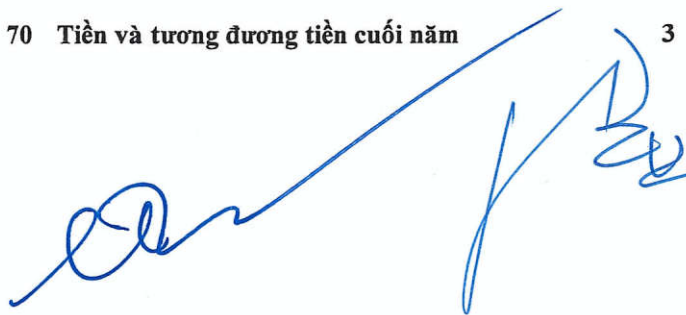
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.718.974.630	3.219.397.736
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.434.369.913	28.400.493.263
03	- Các khoản dự phòng		5.804.426.374	(8.109.792.681)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(149.660.022.878)	(118.214.468.322)
06	- Chi phí lãi vay		82.533.385.141	69.688.415.165
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(33.168.866.820)	(25.015.954.839)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.545.628.156)	27.421.859.409
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.530.290.030	(5.588.903.322)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(121.438.321.847)	(139.906.212.608)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		645.837.344	4.791.278.390
14	- Tiền lãi vay đã trả		(27.868.206.392)	(69.579.694.458)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	18.667.118
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.300.000)	(61.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(185.857.195.841)	(207.920.160.310)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.357.365.162)	(187.354.546)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.500.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		330.000.000	27.399.643.868
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(28.328.596.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.333.516.378	83.194.673.612
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		117.806.151.216	82.078.366.934
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.017.685.466.693	1.183.052.038.744
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(956.554.184.614)	(1.048.323.369.307)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		61.131.282.079	134.728.669.437

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.919.762.546)	8.886.876.061
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.750.487.921	2.863.611.860
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.830.725.375</u>	<u>11.750.487.921</u>




Trần Thị Thu Hằng
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng- Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bur điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động xây dựng của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh dưới 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2019, Tổng Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng làm cho doanh thu năm nay tăng đột biến so với năm trước. Tuy nhiên, trong năm Tổng Công ty thực hiện quyết toán một số công trình giai đoạn cuối dẫn đến giá vốn ghi nhận cao hơn doanh thu còn được ghi nhận. Do vậy, tỷ lệ lãi gộp năm nay giảm so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh LICOGI Số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31/12/2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 909,22 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 391,47 tỷ đồng chiếm 43,5% vốn điều lệ, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty là âm 185,86 tỷ, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc và các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư có giá trị hợp lý được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo hoặc là các khoản đầu tư lâu dài thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 02 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc đàm phán với các đối tác về thời gian trả nợ cũng như nguồn tiền thu được trong tương lai. Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.21 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do đặc thù của Tổng Công ty là hoạt động xây lắp và sản xuất, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tổng Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	253.490.366	122.616.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.577.235.009	11.627.871.763
	<u>4.830.725.375</u>	<u>11.750.487.921</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	330.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	330.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	-	-	-
- Trái phiếu	1.500.000.000	-	-	-
	<u>1.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>330.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn với kỳ hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Mã CK	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.414.237.997.000	(52.776.367.474)	1.414.237.997.000	(42.988.621.128)
- Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	34.476.838.106	-	34.476.838.106	-
- Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	300.945.730.000	-	300.945.730.000	-
- Công ty CP Tư vấn Licogi	3.177.150.487	-	3.177.150.487	-
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	38.178.368.992	-	38.178.368.992	-
- Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	16.855.532.723	(2.939.897.261)	16.855.532.723	(3.027.098.077)
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	10.110.056.968	-	10.110.056.968	-
- Công ty CP Licogi 15	6.593.800.000	(6.593.800.000)	6.593.800.000	(6.593.800.000)
- Công ty CP Licogi 17	10.393.670.213	(10.393.670.213)	10.393.670.213	(518.723.051)
- Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	22.571.500.000	(22.571.500.000)	22.571.500.000	(22.571.500.000)
- Công ty CP Lắp máy Điện nước	10.277.500.000	(10.277.500.000)	10.277.500.000	(10.277.500.000)
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	900.000.000.000	-	900.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	60.657.849.511	-	60.657.849.511	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	356.363.654.969	(18.342.741.972)	356.363.654.969	-
- Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	301.991.630.000	(18.342.741.972)	301.991.630.000	-
- Công ty CP Licogi 14	52.372.956.000	-	52.372.956.000	-
- Công ty CP Licogi 19	1.999.068.969	-	1.999.068.969	-
	1.770.601.651.969	(71.119.109.446)	1.770.601.651.969	(42.988.621.128)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019		
	Mã CK	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác		59.260.545.400	(343.041.280)	59.260.545.400	(20.254.446.372)
- Công ty CP Licogi 12	L12	7.895.068.192	-	7.895.068.192	(5.508.268.192)
- Công ty CP Licogi 13	L1G	25.001.671.600	-	25.001.671.600	(14.403.136.900)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	L18	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh		13.753.805.608	-	13.753.805.608	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	PXL	780.000.000	-	780.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi		1.000.000.000	(85.673.179)	1.000.000.000	(85.673.179)
- Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi		300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(257.368.101)
		59.260.545.400	(343.041.280)	59.260.545.400	(20.254.446.372)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do các cổ phiếu có thanh khoản thấp, khối lượng giao dịch trên thị trường không đáng kể và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Thành phố Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Thành phố Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Thành phố Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Tỉnh Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Tỉnh Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Thành phố Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Thành phố Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Licogi 2)	Tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Tỉnh Phú Thọ	25,94%	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Thành phố Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 34.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 12	Thành phố Hà Nội	8,85%	8,85%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13	Thành phố Hà Nội	6,23%	6,23%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	Thành phố Hà Nội	13,22%	13,22%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Tỉnh Quảng Ngãi	1,19%	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	Thành phố Hồ Chí Minh	0,09%	0,09%	Xây dựng công trình xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban quản lý dự án thủy điện 1	62.972.912.255	-	70.463.462.337	-
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	-	13.481.426.654	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	88.245.133.221	-	98.406.629.152	-
BQL dự án nhà máy thủy điện Sơn La	20.217.921.000	-	18.911.229.000	-
Phải thu khách hàng khác	156.511.412.143	(16.562.186.969)	159.309.981.508	(17.543.207.115)
	362.690.400.112	(37.823.781.808)	381.834.323.490	(38.804.801.954)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	35.804.562.958	-	37.427.950.914	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Licogi 15	10.274.201.642	-	9.836.437.752	-
Công ty CP Lắp máy điện nước - Licogi	36.745.809.293	-	36.499.176.131	-
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	(3.695.789.577)	3.695.789.577	(3.695.789.577)
Trả trước cho người bán khác	6.853.283.326	(2.064.342.889)	5.828.628.546	(1.680.755.467)
	57.569.083.838	(5.760.132.466)	55.860.032.006	(5.376.545.044)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	50.781.259.079	(3.695.789.577)	50.096.862.027	(3.695.789.577)

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lắp máy điện nước - Licogi	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25/04/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.600.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMDN/CKĐA ngày 19/04/2017.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	4.545.190.796	(3.624.299.293)	4.545.190.796	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	31.534.026.500	-	2.207.520.000	-
Phải thu người lao động	3.932.148.296	-	3.670.823.407	-
Tạm ứng	24.676.782.440	(16.163.024.396)	20.203.561.627	(16.079.067.296)
Ký cược, ký quỹ	107.591.907	-	107.591.907	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (*)	35.549.423.380	-	17.680.761.961	-
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(5.878.768.023)	6.079.942.000	(5.878.768.023)
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	18.165.747.229	(713.413.162)	16.761.821.376	(713.413.162)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	260.366.551.646	-	216.666.127.822	-
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (***)	10.543.120.039	-	48.036.785.610	-
Phải thu khác	16.889.609.952	(1.832.847.788)	17.398.785.067	(3.341.867.782)
	<u>437.883.538.134</u>	<u>(53.705.756.611)</u>	<u>378.852.315.522</u>	<u>(55.130.819.505)</u>
b) Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>348.444.133.051</u>	<u>(4.337.712.455)</u>	<u>257.861.421.955</u>	<u>(4.337.712.455)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Khoản phải thu liên quan tạm ứng các khoản chi phí thanh toán hộ và khoản cổ tức phải thu chưa bù trừ với khoản vay Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

(**) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và các khoản Tổng Công ty tạm ứng cho Công ty con để thực hiện dự án này.

(***) Trong năm 2018 và năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và năm 2019 là 50,004 tỷ đồng. Mặt khác, Tổng Công ty đã thực hiện bù trừ khoản mục phải thu ngắn hạn khác này với chi phí lãi vay đã vốn hóa trước khi bàn giao dự án từ năm 2016 đang được trình bày ở khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền 87,49 tỷ đồng. Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế liên quan đến dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt đến 31/12/2019 là 10,54 tỷ đồng.

TÔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty CP Phát triển & Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	-
- Công ty Xây dựng số 19	8.033.502.032	-	8.033.502.032	-
- Ban điều hành Licogi tại Nhà máy Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Phải thu dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	201.173.977	6.079.942.000	201.173.977
- Các khoản khác	35.436.336.433	3.263.923.984	34.926.205.649	731.297.582
	100.754.768.846	3.465.097.961	100.244.638.062	932.471.559

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.417.139.591	(867.221.325)	2.000.916.448	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.273.167.027	-	58.805.274.395	-
Thành phẩm	158.022.608	-	1.572.428.413	(392.161.234)
	55.478.356.916	(867.221.325)	63.008.646.946	(1.259.382.559)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	31-12-2019	01-01-2019
	VND	VND
- Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Sơn	12.783.441.365	12.775.661.365
- Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Gói 10	10.454.261.096	6.775.299.877
- Dự án tòa nhà hỗn hợp Thái Nguyên Tower	1.475.563.669	5.180.039.525
- Dự án khu dân cư & công viên Phước Thiện-Quận 9-TP.HCM	3.769.377.918	2.995.626.449
- Các dự án khác	24.790.522.979	31.078.647.179
	53.273.167.027	58.805.274.395

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cấm Thủy 2 (*)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314

Ghi chú:

(*) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình (Thuyết minh số 18).

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (**)	9.671.801.536	9.671.801.536
- Công trình khác	583.545.455	1.495.677.728
	10.255.346.991	11.167.479.264

(**) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	51.912.001.484	394.244.052.872	22.494.228.696	1.753.909.145	470.404.192.197
- Mua trong năm	1.876.300.162	393.197.273	-	-	2.269.497.435
Số dư cuối năm	53.788.301.646	394.637.250.145	22.494.228.696	1.753.909.145	472.673.689.632
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.249.307.863	235.647.266.915	20.548.735.445	1.325.106.867	297.770.417.090
- Khấu hao trong năm	1.482.434.901	23.090.703.862	757.256.000	103.975.150	25.434.369.913
Số dư cuối năm	41.731.742.764	258.737.970.777	21.305.991.445	1.429.082.017	323.204.787.003
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.662.693.621	158.596.785.957	1.945.493.251	428.802.278	172.633.775.107
Tại ngày cuối năm	12.056.558.882	135.899.279.368	1.188.237.251	324.827.128	149.468.902.629

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 202.628.505.465 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	323.024.834	145.840.232
Chi phí sửa chữa cải tạo	473.102.892	1.030.674.012
Chi phí trả trước dài hạn khác	779.084.894	500.131.571
	<u>1.575.212.620</u>	<u>1.676.645.815</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	61.072.236.896	(*)	59.139.648.044	(*)
- Công ty CP LICOGI 13	80.360.997.405	(*)	84.778.239.701	(*)
- Công ty CP LICOGI 16	41.244.903.354	(*)	44.518.436.687	(*)
- Công ty CP LICOGI 17	21.015.998.345	(*)	32.286.073.738	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.1	19.359.100.513	(*)	22.943.507.113	(*)
- Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20	27.282.569.824	(*)	27.402.859.824	(*)
- Công ty CP Sông Đà 7	10.995.665.990	(*)	11.795.665.990	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	19.984.864.545	(*)	19.984.864.545	(*)
- Công ty CP Sông Đà 505	14.063.938.615	(*)	17.267.637.266	(*)
- Phải trả các đối tượng khác	164.472.550.290	(*)	165.905.501.345	(*)
	<u>459.852.825.777</u>	<u>(*)</u>	<u>486.022.434.253</u>	<u>(*)</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>136.635.772.589</u>	<u>(*)</u>	<u>152.526.515.514</u>	<u>(*)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc đàm phán với các nhà cung cấp về thời gian trả nợ cũng như nguồn tiền thu được trong tương lai. Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Báo cáo tài chính riêng**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công trình Nhà máy đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án để chấn sóng Dung Quất (Chi tiết dự án tại Thuyết minh số 31)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	3.199.874.499	2.323.262.679
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592
Công ty Cổ phần thép Hoà Phát Dung Quất	-	6.035.933.373
Người mua trả tiền trước khác	3.276.902.678	4.188.530.529
	47.984.015.216	54.054.964.620
	3.199.874.499	2.323.262.679

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	333.514.723	-	668.932.341	3.215.023.245	18.271.861.728	295.565.883	1.171.464.234	1.515.530.379	84.856.202	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.171.464.234	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	231.974.601	1.508.159.842	224.604.064	1.171.464.234	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	172.296.949	816.547.653	903.988.400	84.856.202	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	549.640.024	549.640.024	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	84.516.800	374.975.390	391.189.890	68.302.300	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.734.290.695	3.764.345.017	88.248.476	26.410.387.236	-	-	-	-	-
	333.514.723	45.250.444.751	7.682.600.267	5.372.694.099	47.522.402.079	295.565.883	1.171.464.234	1.515.530.379	84.856.202	-

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	51.726.935.646	26.712.599.697
- Dự án 423 Minh Khai	850.107.405	2.038.494.431
- Công trình Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	19.565.382.474	16.679.035.860
- Dự án 20 Cộng hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình Thủy điện Bản Chát	11.597.173.967	11.240.330.218
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	7.605.818.108	-
- Chi phí phải trả khác	19.155.949.158	13.218.055.436
	144.119.670.517	103.506.819.401
b) Chi phí phải trả với bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	65.974.019.397	55.583.149.662

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động xuất khẩu lao động	2.891.515.435	2.002.430.188
	2.891.515.435	2.002.430.188

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
- Kinh phí công đoàn	1.576.997.929	1.627.398.821
- Bảo hiểm xã hội	9.261.818.019	8.407.200.192
- Bảo hiểm y tế	733.953.808	699.313.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	779.182.853	526.796.412
- Phải trả về cổ phần hoá	14.112.595.415	14.112.595.415
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
- Công ty TNHH Thanh Bình (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Chi phí lãi vay)	2.576.712.330	-
- Công ty CP Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	2.059.794.521	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.457.747.970	2.454.808.711
	45.005.335.411	39.274.645.609

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Dài hạn

- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (2)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (3)	-	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (4)	165.000.000.000	165.000.000.000
	<u>225.000.000.000</u>	<u>312.498.564.715</u>

c) Phải trả khác là các bên liên quan

<u>70.076.712.330</u>	<u>67.500.000.000</u>
-----------------------	-----------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(1) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 với Tổng Công ty (đang được trình bày ở Thuyết minh số 11).

(2) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(3) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt và ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền là 87,498 tỷ đồng. Trong năm 2019, Tổng Công ty đã thực hiện bù trừ với giá trị vốn hóa dự án này với giá trị phải thu lãi vay dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt đang trình bày trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

(4) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng Công ty để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán chủ yếu là các khoản phải trả về bảo hiểm người lao động từ các chi nhánh đã dừng hoạt động chuyển sang. Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	924.775.493.408	(*)	858.815.466.693	808.176.770.301	975.414.189.800	(*)
- Vay ngắn hạn bên thứ ba	463.671.213.038	(*)	556.237.308.529	523.426.211.465	496.482.310.102	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI	257.708.837.084	(*)	302.578.158.164	166.196.328.470	394.090.666.778	(*)
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	71.378.730.957	(*)	-	6.537.518.037	64.841.212.920	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	20.676.712.329	(*)	-	676.712.329	20.000.000.000	(*)
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	111.340.000.000	(*)	-	111.340.000.000	-	(*)
	261.096.902.302	(*)	13.435.067.196	259.717.414.313	14.814.555.185	
	1.185.872.395.710	(*)	872.250.533.889	1.067.894.184.614	990.228.744.985	(*)
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	284.467.811.814	(*)	270.210.000.000	259.717.414.313	294.960.397.501	(*)
	284.467.811.814	(*)	270.210.000.000	259.717.414.313	294.960.397.501	(*)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(261.096.902.302)	(*)	(13.435.067.196)	(259.717.414.313)	(14.814.555.185)	(*)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	23.370.909.512	(*)			280.145.842.316	(*)

(*) Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng thanh toán cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

105
GTY
H
MT
SC
14-1

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết các khoản vay ngân hàng và bên liên quan

Sút	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019 (VND)
I	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm						
1	Số 3120-LAV-201801842	110.000.000.000	9%/năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL01.2018 ngày 15/10/2018 (thế chấp máy móc thiết bị). - Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC ký ngày 15/10/2018 (thế chấp cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi-CTCP	99.996.091.756 99.996.091.756
II	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội						
1	Số 1480-LAV-201800196	50.000.000.000	8,5%/năm	10 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng công ty và các chi nhánh phụ thuộc	47.535.347.050 35.735.347.050
2	Số 1480-LAV-201500281	14.000.000.000	9,5%/năm	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty	11.800.000.000
III	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân						
1	Số 01/2018/134627/HĐTD	500.000.000.000	9%/năm	11 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 10.009.700 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác	299.207.564.843 299.207.564.843
V	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long						
1	Số 1300-LAV-201900564	80.000.000.000	8,5%/năm	9 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	- Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300 - LCP - 201900526, số 1300 - LCP - 201900527, số 1300 - LCP - 201900528 và số 1300 - LCP - 201900529 ngày 23 tháng 04 năm 2019. - Hợp đồng thế chấp tài sản số 1300 - LCP - 201900524 ngày 23 tháng 04 năm 2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo).	49.743.306.453 49.743.306.453



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết các khoản vay ngân hàng và bên liên quan

S/tt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019 (VND)
VI	Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI						
1	Số 25/09/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 25/09/2017 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 25/09/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 29/06/2018	61.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - và số cổ phần tại Công ty Cổ phần LICOGI 14 mà Tổng Công ty LICOGI - CTCP sở hữu theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	64.841.212.920 44.841.212.920
3	số 31/05/2018/HĐVV/LICOGI-CKDA ngày 31/05/2018	20.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	20.000.000.000
VII	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2						
1	Số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22/08/2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/2019/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22/04/2019	20.000.000.000	9,5%/năm	9 tháng kể từ ngày 22/02/2019 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng lợi nhuận được chia năm 2018, năm 2019 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty LICOGI tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI.	20.000.000.000 20.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các ngân hàng

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019	Nợ phải trả tới ngày 31/12/2020
I Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân								
1	Số 01/2013/HĐTD	88.982.600.000	Thả nổi	96 tháng	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.	24.750.397.501 24.750.397.501	14.814.555.185 14.814.555.185
II Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông								
1	Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	270.210.000.000	8%- 10%/năm	14-03-21	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt	Tin chấp	270.210.000.000 270.210.000.000	- -



Thông tin liên quan đến khoản vay bên thứ ba

(1) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TĐSD-LICOGI ký ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng CP của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2019 là 16.315.763.516 đồng.

(2) Các khoản vay ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng (Dự án KĐTMT Thịnh Liệt). Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 12 tháng. Số dư nợ gốc tính đến thời điểm 31/12/2019 là 55.274.903.262 đồng.

(3) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU kí ngày 18/12/2017 giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2019 là 85.000.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng vay số 304_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 31/05/2018 giữa Tổng Công ty và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ vào tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 9 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2019 là 20.000.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng vay số 10_2019/HĐV_LICOGI kí ngày 22/04/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty CP AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu công ty CP Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu Công ty CP Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu công ty CP Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2019 là 217.500.000.000 đồng.

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(397.408.213.710)	502.591.786.290
Lãi trong năm trước	-	3.219.397.736	3.219.397.736
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	(394.188.815.974)	505.811.184.026
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(394.188.815.974)	505.811.184.026
Lãi trong năm nay	-	2.718.974.630	2.718.974.630
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	(391.469.841.344)	508.530.158.656

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>900.000.000.000</u>	<u>900.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>900.000.000.000</u>	<u>900.000.000.000</u>

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng Yên Nhật (JPY)	45.342,00	341,99

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	291.843.373.942	78.572.569.853
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.346.076.170	677.865.275
Doanh thu hợp đồng xây dựng	85.110.219.923	138.173.835.655
	<u>380.299.670.035</u>	<u>217.424.270.783</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>165.698.350.515</u>	<u>76.351.040.024</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	289.855.017.713	72.723.692.539
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.762.605.386	552.661.028
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	91.456.614.570	136.025.730.492
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(392.161.234)	(1.047.175.939)
	<u>383.682.076.435</u>	<u>208.254.908.120</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	41.790.149.259	21.238.074.321
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.869.873.619	96.976.394.001
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.379.851
	<u>149.660.022.878</u>	<u>118.215.848.173</u>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>151.872.621.447</u>	<u>123.073.353.680</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	82.533.385.141	69.688.415.165
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	8.219.083.226	(3.409.867.196)
Chi phí tài chính khác	-	11.000
	<u>90.752.468.367</u>	<u>66.278.558.969</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.308.666.356	2.015.506.415
Chi phí nhân công	19.532.815.068	22.121.881.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.364.495.760	5.519.602.025
Thuế, phí, lệ phí	556.962.867	902.102.674
Hoàn nhập dự phòng	(2.022.495.618)	(3.652.749.546)
Chi phí khác bằng tiền	10.181.486.577	9.517.544.833
	30.921.931.010	36.423.887.813

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.335.462.161	195.359.489
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	19.551.507.583	17.814.919.600
Lãi chậm nộp bảo hiểm, thuế	-	2.256.690.398
Chi phí khác	-	606.300.003
	21.886.969.744	20.873.269.490

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.718.974.630	3.219.397.736
Các khoản điều chỉnh tăng	75.620.427.512	65.519.111.047
- Chi phí không hợp lệ	75.620.427.512	65.519.111.047
Các khoản điều chỉnh giảm	(107.869.873.619)	(96.976.394.001)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(107.869.873.619)	(96.976.394.001)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(29.530.471.477)	(28.237.885.218)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.171.464.234	1.171.464.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.171.464.234	1.171.464.234

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.244.337.315	94.274.859.693
Chi phí nhân công	26.933.174.455	31.893.808.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.434.369.913	10.585.573.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.329.661.452	96.877.723.257
Chi phí khác bằng tiền	6.606.781.496	20.850.202.242
	144.548.324.631	254.482.167.207

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.830.725.375	-	11.750.487.921	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	800.573.938.246	(91.529.538.419)	760.686.639.012	(93.935.621.459)
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	1.930.000.000	-
	807.004.663.621	(91.529.538.419)	774.367.126.933	(93.935.621.459)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.270.374.587.301	1.209.243.305.222
Phải trả người bán, phải trả khác			729.858.161.188	837.795.644.577
Chi phí phải trả			144.119.670.517	103.506.819.401
			2.144.352.419.006	2.150.545.769.200

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản trong đương tiền	4.830.725.375	-	-	4.830.725.375
Phải thu khách hàng, phải thu khác	709.044.399.827	-	-	709.044.399.827
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
	715.475.125.202	-	-	715.475.125.202
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản trong đương tiền	11.750.487.921	-	-	11.750.487.921
Phải thu khách hàng, phải thu khác	666.751.017.553	-	-	666.751.017.553
Các khoản cho vay	1.930.000.000	-	-	1.930.000.000
	680.431.505.474	-	-	680.431.505.474

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	990.228.744.985	280.145.842.316	-	1.270.374.587.301
Phải trả người bán, phải trả khác	504.858.161.188	225.000.000.000	-	729.858.161.188
Chi phí phải trả	144.119.670.517	-	-	144.119.670.517
	<u>1.639.206.576.690</u>	<u>505.145.842.316</u>	<u>-</u>	<u>2.144.352.419.006</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	1.185.872.395.710	23.370.909.512	-	1.209.243.305.222
Phải trả người bán, phải trả khác	525.297.079.862	312.498.564.715	-	837.795.644.577
Chi phí phải trả	103.506.819.401	-	-	103.506.819.401
	<u>1.814.676.294.973</u>	<u>335.869.474.227</u>	<u>-</u>	<u>2.150.545.769.200</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí phải trả	65.974.019.397	55.583.149.662
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.552.790.681	243.317.830
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	869.168.258	127.981.856
Công ty CP Licogi 15	5.295.644.840	5.295.644.840
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	15.202.721.144	20.553.597.770
Công ty CP Cơ khí Đông anh Licogi	506.685.165	176.344.683
Công ty CP Lắp máy Điện nước- Licogi	26.662.819.052	26.600.459.802
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	113.336.639	113.336.639
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	64.943.207	8.548.434
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	14.705.910.411	2.463.917.808
Vay ngắn hạn	355.051.212.920	203.395.443.286
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	64.841.212.920	71.378.730.957
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	270.210.000.000	111.340.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	20.000.000.000	20.676.712.329
Phải trả khác	70.076.712.330	67.500.000.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	2.576.712.330	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	720.000.000	720.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.362.819.123	2.599.101.036

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

(Handwritten signatures in blue ink)



Trần Thị Thu Hằng
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2020

Số: 151./CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC
riêng năm 2019"

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 10/4/2020 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được soát xét bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

1. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào Chi tiêu "Phải trả dài hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 sẽ giảm 87,49 tỷ đồng.

2. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogisố2.

Trong năm 2018 và năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và năm 2019 là 50,004 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Mặt khác, Tổng Công ty đã thực hiện bù trừ khoản mục phải thu ngắn hạn khác này với chi phí lãi vay đã vốn hóa trước khi bàn giao dự án năm 2016 đang được trình bày ở khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền 87,49 tỷ đồng. (Chi tiết tại thuyết minh số 08- "Phải thu khác" phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con" và "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 liên quan đến dự án này hay không.



3. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác đầy đủ và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Các khoản thuế và phải nộp nhà nước với số tiền là 13,57 tỷ đồng;
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền là: 34,48 tỷ đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

Số: 152./CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 của BCTC riêng sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

1- Giải trình kết quả kinh doanh năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		529.962	335.050	58%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	529.960	335.050	58%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	2,73	0,21	1214%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	527.243	331.831	59%
	- Giá vốn	Tr. đồng	383.682	208.255	84%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	90.752	66.279	37%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-	-	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	30.922	36.424	-15%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	21.887	20.873	5%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	2.719	3.219	16%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	2.719	3.219	16%

Năm 2019 lợi nhuận so với năm 2018 giảm 16% tương ứng 500 triệu đồng chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- So với năm 2018, tổng doanh thu năm 2019 tăng là 58% tương ứng 194,9 tỷ đồng, trong đó tổng chi phí tăng 59% tương ứng 195,4 tỷ đồng.
- Chi phí khác năm 2019 tăng 5% so với năm 2018 chủ yếu là do tăng chi phí khấu hao máy ngừng nghỉ.

2- Giải trình chênh lệch lợi nhuận 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2019- sau kiểm toán	Năm 2019- trước kiểm toán	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		529.962	549.816	-4%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	529.960	549.813	-4%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	2,73	2,73	0%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	527.243	549.331	-4%
	- Giá vốn	Tr. đồng	383.682	402.685	-5%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	90.752	94.156	-4%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-	-	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	30.922	30.599	1%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	21.887	21.890	0%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	2.719	485	460%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	2.719	485	460%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán tăng 2,2 tỷ đồng là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư tài chính các công ty con.
- Điều chỉnh một số chỉ tiêu về doanh thu và chi phí liên quan đến việc thanh quyết toán các công trình.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải